



TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HIẾN  
KHOA DU LỊCH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

### 1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: **QUẢN TRỊ DU LỊCH MICE** (MICE management)
- Mã học phần: TOU427
- Số tín chỉ: 3 (3,0,6)
- Cấp đào tạo: Đại học
- Loại học phần (bắt buộc/tự chọn): Bắt buộc
- Học phần tiên quyết/ Học phần trước: Quản trị học
- Đơn vị phụ trách: Khoa Du lịch
- Số giờ tín chỉ: 45, trong đó:
  - Lý thuyết: 45 (1 tín chỉ LT = 15 tiết)
  - Thực hành: 0 (1 tín chỉ TH = 30 tiết)
  - Thực tập: 0 (1 tín chỉ TT = 60 giờ TT tại cơ sở)
  - Đồ án/ Khóa luận: 0 (1 tín chỉ ĐA/KL = 45 giờ làm ĐA/KL)

### 2. Thông tin về giảng viên

Giảng viên 1:

- Họ và tên: Nguyễn Tấn Trung
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0914050518
- Email: trungnt2@vhu.edu.vn

Giảng viên 2:

- Họ và tên: Ngô Xuân Hà
- Chức danh, học vị: Thạc sĩ
- Thời gian làm việc: Giờ hành chính (8:00 -16:00)
- Địa điểm làm việc: Khoa Du lịch - Trường Đại học Văn Hiến
- Điện thoại: 0918692876
- Email: haonx@vhu.edu.vn

### **3. Tóm tắt nội dung học phần**

Học phần gồm 5 chương, cung cấp cho người học kiến thức tổng quát về quản trị du lịch MICE, tổ chức sự kiện du lịch nhằm giúp người học hiểu về các khái niệm cơ bản của quản trị du lịch MICE và các bước xây dựng một sự kiện nói chung và một hội nghị, hội thảo nói riêng. Người học được giới thiệu cơ bản về những yếu tố ảnh hưởng tới việc tổ chức và quản lý, vận hành một hội nghị, hội thảo thành công. Ngoài ra, học phần giới thiệu về chương trình sự kiện, cách thức tiến hành kế hoạch marketing và bán dịch vụ MICE. Áp dụng công nghệ thông tin trong quản trị MICE trong các khâu tổ chức sự kiện.

### **4. Mục tiêu của học phần**

Học phần có những mục tiêu:

- Cung cấp cho người học những kiến thức chung về tổ chức và vận hành một sự kiện phù hợp với bối cảnh chung của xã hội cũng như yêu cầu chung của chủ đầu tư sự kiện.

- Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống kinh tế, ngành du lịch, kinh doanh du lịch, lưu trú, một số nguyên lý cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, phát triển bền vững áp dụng trong việc tổ chức, vận hành và quản trị du lịch MICE. Hiểu và phân tích các nhân tố cấu thành nên thị trường dịch vụ tổ chức sự kiện.

- Cung cấp cho người học kiến thức chuyên sâu về một số hoạt động tác nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh khách sạn áp dụng trong các sự kiện ví dụ như lễ tân, tiếp đón, phục vụ ăn uống, ...

- Trang bị kiến thức về quản trị khách sạn, vận dụng các chức năng tổ chức hoạt động, vận dụng các chức năng tổ chức hoạt động quản trị trong khách sạn, doanh nghiệp lưu trú.

- Phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, xác định cơ hội và thách thức của thị trường dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo, triển lãm và một số loại hình sự kiện. Có kỹ năng quản lý, điều hành, giám sát hoạt động kinh doanh mảng sự kiện của khách sạn, các cơ sở lưu trú.

- Phát triển kỹ năng phân tích các chỉ tiêu kinh tế, tài chính, hiệu quả kinh doanh dịch vụ tổ chức sự kiện của doanh nghiệp khách sạn. Có kỹ năng phát triển ý tưởng cho các loại hình sự kiện như hội nghị hội thảo triển lãm và các loại hình sự kiện khách trong doanh nghiệp khách sạn.

- Phát triển kỹ năng thực hiện các hoạt động tác nghiệp nghiệp vụ trong khách sạn phục vụ cho hoạt động tổ chức vận hành sự kiện trong khách sạn.

## 5. Chuẩn đầu ra của học phần:

Mã CDR	Nội dung chuẩn đầu ra
<b>Kiến thức</b>	
CLO1	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống kinh tế, ngành du lịch, kinh doanh du lịch, lưu trú, một số nguyên lý cơ bản về khoa học xã hội nhân văn, phát triển bền vững áp dụng trong việc tổ chức, vận hành và quản trị du lịch MICE.
CLO2	Thiết kế và vận hành quy trình tổ chức kinh doanh MICE.
<b>Kỹ năng</b>	
CLO3	Phát triển kỹ năng phân tích, đánh giá môi trường kinh doanh, xác định cơ hội và thách thức của thị trường dịch vụ tổ chức sự kiện, hội nghị hội thảo, triển lãm và một số loại hình sự kiện
CLO4	Có kỹ năng ứng dụng công nghệ hiện đại vào vận hành và tổ chức kinh doanh MICE
CLO5	Đề xuất ý tưởng cho các loại hình sự kiện và trình bày, thuyết minh về ý tưởng đó
<b>Mức tự chủ và trách nhiệm</b>	
CLO6	Có tinh thần tự cập nhật kiến thức thông qua các nguồn thông tin và tài liệu chính thống, chất lượng về quá trình phát triển và xu thế của dịch vụ tổ chức sự kiện trên thế giới nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng.

### Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra CTĐT và Chuẩn đầu ra học phần

Chuẩn đầu ra	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12
CLO1	X											
CLO2			X					X				
CLO3					X							
CLO4							X	X				
CLO5			X		X							
CLO6											X	

## 6. Nội dung chi tiết của học phần

### 6.1. Lý thuyết

<b>Chương</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đáp ứng CLOs</b>
<b>Chương 1.</b>	<b>Tổng quan về sự kiện</b>	CLO1, CLO6
1.1.	Định nghĩa và phân loại sự kiện	
1.2.	Quản trị sự kiện	
1.3.	Thị trường dịch vụ tổ chức sự kiện	
<b>Chương 2.</b>	<b>Lập kế hoạch tổ chức sự kiện</b>	CLO2, CLO3
2.1.	Khái quát về kế hoạch tổ chức sự kiện	
2.2.	Nội dung lập kế hoạch tổ chức sự kiện	
2.3.	Hình thành chủ đề, lập chương trình và dự toán ngân sách	
2.4.	Đánh giá kế hoạch tổ chức sự kiện	
<b>Chương 3.</b>	<b>Marketing dịch vụ tổ chức sự kiện</b>	CLO3, CLO6.
3.1.	Khái niệm, tổng quan về marketing trong tổ chức sự kiện	
3.2.	5Ps trong marketing sự kiện	
3.3.	Chiến lược marketing	
3.4.	Đo lường hiệu quả marketing	
3.5.	Xử lý khủng hoảng truyền thông sự kiện	
<b>Chương 4.</b>	<b>Thực hiện cung ứng dịch vụ tổ chức sự kiện</b>	CLO3, CLO5, CLO6
4.1	Tổng quan về cung ứng dịch vụ	
4.2	Các vật tư thiết bị cần thiết	
4.3.	Quản lý “in” and “out” các thiết bị, vật tư, vật dụng cần thiết	
<b>Chương 5.</b>	<b>Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị sự kiện</b>	CLO4, CLO5, CLO6
5.1.	Tổng quan về sử dụng công nghệ thông tin trong sự kiện	
5.2.	Một số ứng dụng hữu hiệu trong quản trị sự kiện	
5.3.	Thực hành một số công cụ, công nghệ thông tin	

## 6.2. Thực hành

	Nội dung	Đáp ứng CLOs
6.2.1.	<b>Bài tập cá nhân</b>	CLO1, CLO2, CLO4, CLO5, CLO6
	Người học thực hiện các bài tập cá nhân trên lớp theo yêu cầu của giảng viên	
6.2.2.	<b>Bài tập nhóm</b>	CLO2, CLO3, CLO4
	<ul style="list-style-type: none"><li>- Người học thảo luận nhóm</li><li>- Các nhóm báo cáo kết quả làm việc trước lớp</li></ul>	

## 7. Phân bổ thời gian theo tiết và điều kiện thực hiện:

Chương	Tên chương	Số tiết tín chỉ					Ghi chú
		Lý thuyết	Bài tập	Thực hành	Tự học	Tổng	
1	Tổng quan về sự kiện	5	0	0	0	5	
2	Lập kế hoạch tổ chức sự kiện	7	5	0	0	12	
3	Marketing dịch vụ tổ chức sự kiện	10	5	0	0	15	
4	Thực hiện cung ứng dịch vụ tổ chức sự kiện	3	2	0	0	5	
5	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị sự kiện	5	3	0	0	8	
<b>Tổng</b>		<b>30</b>	<b>15</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>45</b>	

### CÁC CHỦ ĐỀ THẢO LUẬN VÀ TIỂU LUẬN

- Lập kế hoạch tổ chức sự kiện
- Lập kế hoạch marketing dịch vụ tổ chức sự kiện

## 8. Phương pháp giảng dạy:

Giảng viên giảng dạy với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Phát vấn
- Đọc và tóm lược nội dung tài liệu
- Thảo luận nhóm

### Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình	X	X	X			
Phát vấn			X	X	X	
Đọc và tóm lược nội dung	X	X				X
Bài tập nhóm		X	X	X	X	

### 9. Phương pháp học tập

Sinh viên học tập với sự kết hợp của một số phương pháp sau:

- Thuyết trình
- Làm việc nhóm
- Tự học, tự nghiên cứu

### Ma trận liên kết giữa Chuẩn đầu ra với phương pháp học tập

Phương pháp học tập	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Thuyết trình		X	X		X	
Làm việc nhóm		X	X	X		
Tự học, tự nghiên cứu	X		X	X	X	X

### 10. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
- Tham gia đầy đủ các giờ lên lớp và giờ thuyết trình (sinh viên chỉ được vắng mặt tối đa 20% thời gian lên lớp của học phần).
- Đọc tài liệu tham khảo bắt buộc và bổ trợ do giảng viên giới thiệu.
- Hoàn thành đầy đủ các bài tập cá nhân, bài tập nhóm.
- Tham gia kỳ thi kết thúc học phần.

**11. Thang điểm đánh giá:** Điểm đánh giá quá trình và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến 1 chữ số thập phân.

### 12. Phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả học tập

Sinh viên được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở hai điểm thành phần như sau:

1. *Điểm đánh giá quá trình: trọng số 40% bao gồm:*

- Điểm chuyên cần: dự lớp, trọng số 10%
- Điểm kiểm tra thường xuyên: thuyết trình, trọng số 30%

2. *Điểm thi kết thúc học phần: trọng số 60%*

Hình thức thi: tiểu luận

**Ma trận quan hệ giữa Chuẩn đầu ra và phương pháp kiểm tra, đánh giá**

Hình thức đánh giá	CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
Tiểu luận	X	X	X	X		X
Thuyết trình		X	X		X	
Chuyên cần	X	X	X	X	X	X

**13. Tài liệu phục vụ cho học phần:**

**13.1. Tài liệu chính**

- PGS. TS. Lưu Văn Nghiêm (2009), Giáo trình Quản trị du lịch MICE, NXB Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**13.2. Tài liệu tham khảo**

- PGS. TS. Nguyễn Thị Nguyên Hồng (2020), Giáo trình Kinh tế du lịch, NXB Đại học Thương mại, Hà Nội.
- PGS. TS. Nguyễn Văn Mạnh (2013), Quản trị kinh doanh khách sạn nhà hàng, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

*TP.Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm 2022*

**HIỆU TRƯỞNG**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Đã ký)*

**PGS.TS. Nguyễn Minh Đức**

**Trưởng Khoa/ Bộ môn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Đã ký)*

**PGS.TS. Phạm Xuân Hậu**

**Giảng viên biên soạn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

*(Đã ký)*

**ThS. Nguyễn Tấn Trung**



## PHỤ LỤC CÁC RUBRICS ĐÁNH GIÁ

### Rubric 1. Đánh giá chuyên cần – tham gia hoạt động tại lớp (Chiếm 20% tổng điểm cuối cùng của môn học)

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	<b>Chuyên cần</b>	<i>Chuyên cần</i>	Tham gia đầy đủ và đúng giờ tất cả các buổi học lý thuyết và thực hành	Vắng 1 buổi không có lý do chính đáng hoặc 2 buổi có lý do chính đáng; đôi lúc đi trễ	Vắng 2 buổi không có lý do chính đáng hoặc 3-4 buổi có lý do chính đáng; thỉnh thoảng đi trễ	Vắng 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc 5 buổi có lý do chính đáng; hay đi trễ	Vắng trên 3 buổi không có lý do chính đáng hoặc trên 5 buổi có lý do chính đáng; thường xuyên đi trễ	50% (5 điểm)
2	<b>Tham gia các hoạt động trên lớp</b>	<i>Bài tập về nhà (nếu có)</i>	Hoàn thành đầy đủ bài tập về nhà	Thường xuyên làm bài tập về nhà đầy đủ	Làm bài tập về nhà tương đối đầy đủ	Có làm bài tập về nhà nhưng còn sơ sài	Không làm bài tập về nhà	50% (5 điểm)
		<i>Tham gia các hoạt động trên lớp</i>	Luôn luôn chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; luôn đưa ra các ý kiến sát đúng với nội dung bài học; chủ động triển khai các hoạt động thảo luận nhóm	Tương đối chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp; thường xuyên đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia tích cực các hoạt động thảo luận nhóm	Có tham gia các hoạt động trên lớp nhưng đôi lúc chưa được chủ động và tích cực; thỉnh thoảng đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học; tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Chưa chủ động và tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; đưa ra các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; thỉnh thoảng tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	Không tham gia các hoạt động trên lớp, chỉ trả lời khi được gọi; không đưa ra được các ý kiến tương đối sát đúng với nội dung bài học khi được gọi ý; không tham gia các hoạt động thảo luận nhóm	

\* Các lý do chính đáng bao gồm: thiên tai, tang gia (ông bà, bố mẹ, anh chị em ruột), cưới hỏi của bản thân, nằm viện có giấy xác nhận, tham gia các hoạt động đoàn thể được điều động theo danh sách và một số trường hợp đặc biệt khác được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền.



## Rubric 2. Đánh giá bài thuyết trình nhóm

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	Nội dung	Nội dung	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; tất cả các nội dung đều có phân tích rõ ràng, có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; một số nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung được nêu ra một cách logic; khoảng 1/2 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày không đầy đủ các nội dung của đề tài; các nội dung chưa được nêu ra một cách logic; khoảng 2/3 nội dung chưa có phân tích rõ ràng, chưa có luận điểm hoặc ví dụ minh họa	Trình bày không đúng nội dung của đề tài	40% (4 điểm)
2	Thuyết trình	Bố cục	Bố cục: Đầy đủ các phần Giới thiệu nhóm, Giới thiệu đề tài, Giới thiệu các nội dung chính, Nội dung chính, Kết luận, Danh mục tài liệu tham khảo, Câu hỏi thảo luận	Bố cục thiếu tối đa 2 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 3 mục so với quy định.	Bố cục còn thiếu tối đa 4 mục so với quy định	Bố cục lủng củng, các mục sắp xếp lộn xộn, thiếu nội dung so với quy định	40% (4 điểm)
		Phong cách thuyết trình	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Không phụ thuộc vào slides; Sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và tương tác tốt với người nghe	Phong cách trình bày tự tin; Diễn đạt tương đối gãy gọn, súc tích, giọng nói khá rõ ràng, dễ nghe; Đôi chỗ còn phụ thuộc vào slides; Sử dụng tương đối tốt ngôn ngữ hình thể và có tương tác với người nghe	Phong cách trình bày chưa thật tự tin; Diễn đạt một số chỗ chưa gãy gọn, súc tích, giọng nói rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Phong cách trình bày chưa tự tin; Diễn đạt còn lủng củng, giọng nói không rõ ràng, dễ nghe; Còn phụ thuộc nhiều vào slides; Chưa sử dụng tốt ngôn ngữ hình thể và chưa tương tác với người nghe	Không tự tin khi trình bày; diễn đạt lủng củng, khó hiểu; Giọng nói nhỏ, khó nghe; Phụ thuộc hoàn toàn vào slides; Không tương tác với người nghe	
		Hình	Font chữ to, rõ, màu	Font chữ to, rõ, màu	Font chữ to, rõ, màu	Font chữ, màu chữ	Font chữ, màu chữ chưa hợp lý, có khó	

		<i>thức slides</i>	chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa chất lượng tốt, phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng hợp lý; Phối màu đẹp, rõ ràng, nổi bật nội dung	chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa phù hợp với nội dung; Các hiệu ứng được sử dụng tương đối hợp lý; Phối màu rõ ràng	chữ hợp lý, có thể đọc được từ cuối lớp; Có hình ảnh minh họa nhưng một số chỗ chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	chưa hợp lý, có khó khăn khi đọc từ cuối lớp; Hình ảnh minh họa sơ sài, chưa phù hợp với nội dung; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu chưa nổi bật nội dung	khăn khi đọc từ giữa lớp; Không có hình ảnh minh họa; Không sử dụng hiệu ứng; Phối màu không hợp lý	
		<i>Thời gian trình bày</i>	Đúng thời gian quy định	Quá thời gian quy định < 2 phút	Quá thời gian quy định từ 2 đến < 4 phút	Quá thời gian quy định từ 4 đến < 5 phút	Quá thời gian quy định >5 phút	
3	Làm việc nhóm	<i>Hiệu quả làm việc nhóm</i>	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời tốt 60% câu hỏi của đề tài	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên không hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	15% (1,5 điểm)
		<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý;	Phân chia công việc chưa hợp lý;	Phân chia công việc không hợp lý;	5% (0,5 điểm)

**Rubric 3. Rubric đánh giá tiêu luận nhóm**

TT	Tiêu chí chung	Tiêu chí cụ thể	Thang điểm					Tỷ trọng
			A (8,5-10)	B (7,0-8,4)	C (5,5-6,9)	D (4,0-5,4)	F (<4,0)	
1	<b>Hình thức</b>	<i>Bố cục</i>	Bố cục đầy đủ các phần và độ dài theo quy định của Khoa; các chương mục rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 20% so với quy định của Khoa; các chương mục tương đối rõ ràng và lô-gic.	Bố cục tương đối đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 30% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch không quá 40% so với quy định của Khoa; các chương mục chưa rõ ràng và lô-gic.	Bố cục chưa đầy đủ và độ dài chênh lệch từ 50% trở lên so với quy định của Khoa; các chương mục không rõ ràng và lô-gic.	30% (3 điểm)
		<i>Tài liệu tham khảo</i>	Nguồn TLTK phong phú, chính thống; danh mục TLTK được sắp xếp hợp lý và đúng yêu cầu, các chú dẫn được trích dẫn đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK khá phong phú, chính thống; 1/3 TLTK chưa được sắp xếp đúng quy định và một số trích dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK chưa phong phú, một số tài liệu thiếu tính chính thống; khoảng 1/2 TLTK bị sắp xếp lộn xộn và thiếu các chú dẫn theo thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, đa số không chính thống; khoảng 2/3 mục trích dẫn TLTK và các chú dẫn chưa đúng thể thức quy định.	Nguồn TLTK nghèo nàn, không chính thống; sắp xếp TLTK và các chú dẫn không đúng thể thức quy định.	
		<i>Lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt, hình thức trình bày</i>	Không có lỗi về ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt súc tích, mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Còn một số ít lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ rõ ràng, đúng quy định.	Khá nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt thiếu mạch lạc; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ	Nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; câu văn diễn đạt lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ, bảng biểu, sơ đồ	Còn rất nhiều lỗi ngữ pháp và chính tả; văn phong không phù hợp, câu văn lủng củng, tối nghĩa; hình vẽ,	

			so đồ rõ ràng, đúng quy định.		tương đối rõ ràng, đúng quy định.	chưa rõ ràng, chưa đúng quy định.	bảng biểu, sơ đồ không rõ ràng, không đúng quy định.	
2	Nội dung	Luận điểm	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học và sáng tạo; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng và toàn diện.	Có đưa ra quan điểm cá nhân có tính khoa học; nêu và phân tích luận điểm rõ ràng.	Có đưa ra quan điểm cá nhân nhưng tính khoa học không cao; nêu luận điểm tương đối rõ ràng, phân tích chưa toàn diện.	Chưa đưa ra được quan điểm cá nhân; nêu luận điểm nhưng không phân tích.	Không đưa ra được quan điểm cá nhân và luận điểm mà chỉ tổng hợp từ các nguồn TLTK.	50% (5 điểm)
		Dẫn chứng	Nêu và phân tích dẫn chứng một cách logic, khoa học, bảo vệ được luận điểm.	Có nêu nhưng chưa phân tích chi tiết các dẫn chứng dù có thể phần nào đó bảo vệ được luận điểm.	Chỉ nêu và không phân tích dẫn chứng, không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Có rất ít dẫn chứng, hoàn toàn không có sự kết nối tương quan giữa luận điểm và dẫn chứng.	Không có dẫn chứng minh họa.	
3	Kỹ năng nhóm	Hiệu quả làm việc nhóm	Các thành viên hoàn tốt nhiệm vụ của mình. Tất cả thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; nhóm trả lời tốt các câu hỏi của đề tài.	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt trong chất lượng công việc của các thành viên; 80% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm	Các thành viên hoàn thành tương đối công việc, có sự khác biệt rõ ràng trong chất lượng công việc của các thành viên; 60% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời	Một số thành viên không tham gia làm việc nhóm; dưới 50% thành viên hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm trả lời được dưới 50% câu hỏi của đề tài.	Các thành viên không hoàn thành công việc đúng khối lượng và thời gian quy định; dưới 50% các thành viên không hiểu rõ đề tài trình bày của nhóm; Nhóm	15% (1,5 điểm)

				trả lời tốt 80% câu hỏi của đề tài.	tốt 60% câu hỏi của đề tài		không trả lời được các câu hỏi của đề tài.	
		<i>Khả năng lãnh đạo</i>	Phân chia công việc hợp lý; có kỹ năng giải quyết vấn đề hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý; một số vấn đề của nhóm chưa được giải quyết hiệu quả	Phân chia công việc tương đối hợp lý;	Phân chia công việc chưa hợp lý;	Phân chia công việc không hợp lý;	5% (0,5 điểm)

\* **Lưu ý:** Bài tiểu luận có tỷ lệ sao chép nguyên văn, không trích dẫn nguồn từ 30% trở lên sẽ bị đánh giá là đạo văn và nhận điểm 0.